

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6	7:25	22	0		22	0	
2		SAVR	7:25	19	0		20	0	
3		TD5+BK10	7:25	22+0	0+0		14+7	0+0	
4		P1+BK19+BK15	7:25	4+5+8	0+0+0		0+4+16	0+0+0	
5		P8	9:25	22	0		22	0	
6		TTCl+TTC2+TTC3	9:25	8+4+7	0+0+0		5+4+8	0+0+0	
7		PBDA+BK19	9:25	20+0	0+0		17+1	0+0	
8		KNT+CTK3	9:25	16+4	0+0		16+5	0+0	
9		KNT+SAVR	11:25	12+4	0+0		6+4	0+0	puma
10		KNT	11:25	18	0		12	0	ec225
11		P8+TD5	11:40	7+15	0+0		3+7	0+0	chuyen 1 p8-TD5
12		PBDA+P6	11:40	15+4	0+0		12+7	0+0	

TTBDSX

1/ Đi về trong ngày P6-Ing, BK19-Ing, TD5 (BK21-2ng)



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P6	CREW: QVIỆT - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3041	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN ĐỨC	P6	75-76	2	12			65	SGC	Vietnamese
2	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P6						70	KH-THAC	Vietnamese
3	VĂN MINH TÂN	P6	95	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	96	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH QUÂN	P6	01	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P6	92-93	2	15	2	35	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU TOÁN	P6	94	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TRỌNG PHÚC	P6	51,53	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH TÙNG	P6	55	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG BÁ ĐIỀU	P6	77-78	2	9			59	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	80	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI THANH LONG	P6	57	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI MẠNH KHÁNH CƯỜNG	P6	98	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH TUẤN	P6	04	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HUY THÔNG	P6	19	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH HUẤN	P6	52	1	6			47	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P6	56	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ĐỨC NGUYỄN	P6	99	1	69			61	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO MINH HOÀNG	P6	54	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC AN	P6	300	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P6	97	1	4			66	PSV	Vietnamese
22	ĐẬU CÔNG SÁU	P6	79	1	3			84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	22	1.503	25	207	2	35	22		
TOTAL		22	1.503	25	207	2	35	22		
WEIGHT KG			1.503		207		35			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: SAVR	CREW: KHOÀN - VTHẮNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3044	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH BẢO	SAVR	29	1	11			49	PVD LOGGING	Vietnamese
2	HỒ VĂN RỒN	SAVR						78	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	SAVR	38	1	9	1	9	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN (11743)	SAVR	37	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	SAVR	39	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DÂN	SAVR	46	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
7	KLISHIN SERGEI	SAVR	42	1	14			94	AMHTP	Russian
8	GORIUNOV DENIS	SAVR	34	1	14			88	AMHTP	Russian
9	KOROTKOV ANDREI	SAVR	32-33	2	11			115	AMHTP	Russian
10	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	35	1	9			105	AMHTP	Russian
11	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	26-27	2	15			125	AMHTP	Russian
12	PANKOV SERGEY	SAVR	36	1	12			84	AMHTP	Russian
13	ZINGIREEV ALEKSANDR	SAVR	41	1	12			97	AMHTP	Russian
14	KALIMOV VASIL	SAVR	30	1	11			112	AMHTP	Russian
15	SUIAZOV EVGENII	SAVR	45	1	14			86	AMHTP	Russian
16	TRETIKOV NIKITA	SAVR	31	1	15			70	AMHTP	Russian
17	KOSHELIUK IGOR	SAVR	40	1	9			89	AMHTP	Russian
18	KHISMATULLIN ILSUR	SAVR	28	1	10			83	AMHTP	Russian
19	AKULOV VLADIMIR	SAVR	43-44	2	16			86	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.638	21	203	1	9	20		
TOTAL		19	1.638	21	203	1	9	20		
WEIGHT KG			1.638		203		9			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - BK10	CREW: HÙNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3047	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	EVGENII MIKHAILOV	TD5	16	1	2	3	45	89	KH-THAC	Russian
2	MAMAEV M. R.	TD5	17-18	2	12			105	KHOAN	Russian
3	BẢO NGUYỄN LỘC	TD5	20-21	2	12			58	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	31	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
5	HÀ VĂN PHÚC	TD5	22	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG THÁI	TD5	27	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TRỌNG HÁCH	TD5	26	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	39	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5	23	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	29-30	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THÀNH	TD5	24	1	9	3	27	70	KHOAN	Vietnamese
12	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	28	1	11			61	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN HOÀNG LAM	TD5	46-48	3	17			72	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC HẢI	TD5	44-45	2	15			80	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	42-43	2	6			68	KHOAN	Vietnamese
16	NHỮ THANH TUYỀN	TD5	40-41	2	17			67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	32	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN THỦY	TD5	25	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD5	34-35	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	TD5						91	KH-THAC	Vietnamese
21	ILIASHENKO D. A	TD5	19	1	11			74	ANTOAN	Russian
22	VƯƠNG ĐỨC ÁNH	TD5	33	1	10			69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.612	30	207	6	72	14		
2	BK10	0	0	0	0	1	15	7		
TOTAL		22	1.612	30	207	7	87	21		
WEIGHT KG			1.612		207		87			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: P1 - BK19 - BK15	CREW: LHM - T.HIEU - DSON	ETA: 09:55
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3049	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	P1	06	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRSAYAPOV RUSLAN R.	P1	05	1	4			107	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TAN PHONG	P1	03	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
4	BASHKIN OLEG V.	P1	04	1	5			76	KH-THAC	Russian
5	HOANG QUOC VAN	BK19	75	1	6	1	20	57	SGC	Vietnamese
6	NGUYEN DUONG HOE	BK19	77,81	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRUNG TUAN	BK19	80	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DUC DUNG	BK19	79	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH SON	BK19	78	1	6			68	PSV	Vietnamese
10	VU XUAN QUY	BK15	92	1	8	1	20	102	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HAI	BK15	86	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CONG NAM	BK15	84	1	13			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH THANG	BK15	90	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG BACH	BK15	88-89	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUC TUNG	BK15	87	1	2			56	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG KHA	BK15	91	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
17	HO TRONG BANG	BK15	93	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	4	321	4	17	0	0	0		
2	BK19	5	359	6	49	1	20	4		
3	BK15	8	581	9	56	1	20	16		
TOTAL		17	1.261	19	122	2	40	20		
WEIGHT KG			1.261		122		40			

GRAND TOAL: 1.423 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

LUU THANH HAI
LE TRUNG HIEU



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P8	CREW: QVIỆT - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3042	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	EREMEEV EVGENII	P8	79	1	12			98	KHOAN	Rus
2	NGUYỄN HỮU NAM	P8	72	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH QUANG TRUNG	P8	76	1	4	2	40	71	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOÀNG LONG	P8	74	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH TRÍ	P8	61-62	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	78	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P8	70-71	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN ĐÔN	P8	66	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁNH DUY	P8						81	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TÂN	P8	56	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TÚ THẮNG	P8	57-58	2	8			61	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	60	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VŨ HÙNG	P8	64-65	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BÁ ĐẠT	P8	80	1	8	1	7	77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	63	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	59	1	18			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	68	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM HUY	P8	67	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ CHẾ LINH	P8	77	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	73	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ XUÂN TRUNG	P8	69	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	21	1.507	24	164	3	47	22		
TOTAL		21	1.507	24	164	3	47	22		
WEIGHT KG			1.507		164		47			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: TTC1 - TTC2 - TTC3	CREW: KHOÀN - VTHẮNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3045	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	57	1	2			110	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ DANH NGỌC	TTC1	61-62	2	18			83	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	58	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG THỦY	TTC1	59	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG LONG HẢI	TTC1	60	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUỐC VIỆN	TTC1	64	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOÀNG NAM	TTC1	63	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	56	1	5	2	35	76	PSV	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THẮNG	TTC2	32	1	6	2	35	80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	34	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	35	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	31	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
13	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	62	1	4	2	35	66	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ TIẾN DŨNG	TTC3	65	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC3	64	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TRUNG HẬU	TTC3	63	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LÂM	TTC3	59	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TTC3	60-61	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN XUÂN HÓA	TTC3						69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	8	655	9	59	2	35	5		
2	TTC2	4	292	4	31	2	35	4		
3	TTC3	7	481	7	46	2	35	8		
TOTAL		19	1.428	20	136	6	105	17		
WEIGHT KG			1.428		136		105			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: PBDA - CTK3	CREW: LHM - T.HIEU - DSON	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3048	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THANH LONG	PBDA	82-83	2	15			64	HALLIBURTON	Vietnamese
2	NGUYEN DUY PHONG	PBDA	80-81	2	15			77	HALLIBURTON	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN HIẾU*	PBDA	84-85	2	13			53	PVD LOGGING	Vietnamese
4	TRẦN KIM CƯỜNG	PBDA	86-87	2	13			73	PVD LOGGING	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HUY	PBDA	76-77	2	14			83	PVD LOGGING	Vietnamese
6	TRƯƠNG VIỆT LONG	PBDA	78-79	2	15			80	PVD LOGGING	Vietnamese
7	CHEPKO VTALY	PBDA	93	1	7			80	KHOAN	Russian
8	KULIK VIACHESLAV	PBDA	94	1	6			68	AMHTP	Russian
9	PHẠM LÊ TRƯỜNG SƠN	PBDA	91-92	2	18			74	HALLUBURTON	Vietnamese
10	LƯU ĐÌNH TRỌNG	PBDA	90	1	15			78	DVL	Vietnamese
11	VŨ VĂN NAM	PBDA	88	1	15			72	DVL	Vietnamese
12	HOÀNG BÁ THẮNG	PBDA	89	1	16			61	DVL	Vietnamese
13	MỖ DUY TÙNG	PBDA	75	1	10			65	DVL	Vietnamese
14	ZHIGULIN ANTON	PBDA	99	1	12			101	AMHTP	Russian
15	SOBOLEV VALERII	PBDA	01	1	9			79	AMHTP	Russian
16	IURKOV ANDREI	PBDA	96-97	2	7			71	AMHTP	Russian
17	IAMASHEV ALBERT	PBDA	98	1	6			78	AMHTP	Russian
18	SERBAYLO VALERIY	PBDA	95	1	6			80	AMHTP	Russian
19	PHẠM HỮU TÙNG	CTK3	95	1	10			90	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	18	1.337	26	212	0	0	20		NB ĐÌNH HỒNG THẮNG
2	CTK3	1	90	1	10	0	0	1		
TOTAL		19	1.427	27	222	0	0	21		
WEIGHT KG			1.427		222		0			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO: KNT - CTK3	CREW: HUNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/3050	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	KNT	79	1	18	1	12	89	HALLIBURTON	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHU	KNT	80-82	3	17	1	11	69	DMC-MI	Vietnamese
3	TA HUU HO	KNT	92	1	13	3	11	63	DMC-MI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HUỖNH	KNT	86	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
5	TRƯƠNG TRỌNG TUẤN ĐẠT	KNT	88-89	2	13			78	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN CƯỜNG	KNT	84	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY KHÁNH	KNT	87	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÝ BĂNG	KNT	90	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO ĐÌNH HUY	KNT	91	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG LĨNH	KNT	85	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BÁ HÙNG	KNT	93	1	9	4	43	76	DVL	Vietnamese
12	ROBERT VICTOR BRADFORD	KNT	77	1	9			118	BORR	Australian
13	RUDY JOSEPH BARANG	KNT	75-76	2	11			97	BORR	Malaysian
14	TONY SUMBANG	KNT	71-72	2	18			108	BORR	Malaysian
15	JOSEPH ANAK SURING	KNT	73-74	2	20			93	CONNECT ENERGY	Malaysian
16	NGUYỄN NGỌC CHÂN	CTK3	92-93	2	12	1	18	76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐẮC NHÃ	CTK3	89-90	2	12			61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	91	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	15	1.261	21	170	9	77	16		
2	CTK3	3	195	5	29	1	18	5		
TOTAL		18	1.456	26	199	10	95	21		
WEIGHT KG			1.456		199		95			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:05
B.CARD: CAM-3	TO: KNT - SAVR	CREW: NKHÁNH - VLINH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/3052	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MARMUAL SIREGAR	KNT	17-18	2	15			91	CONNECT ENERGY	Indian
2	GEDIMINAS DUMSKIS	KNT	16	1	9			109	BORR	Lithuanian
3	LEE SIEW WAI	KNT	22-23	2	16			72	CONNECT ENERGY	Singapore
4	RICKY NILY	KNT	19-21	3	18			78	BORR	Malaysian
5	HOÀNG VĂN THẠO	KNT	06-07	2	17			70	SLB	Vietnamese
6	LE CHI HUU	KNT	10-11	2	14			67	SLB	Vietnamese
7	RAJASEKARAN MUTHAMIZHSELVAN	KNT	08-09	2	19	2	24	80	SLB	Indian
8	LÊ VĂN LỘC	KNT	12-13	2	19	2	35	62	VŨ GIA	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NGŨ	KNT	14-15	2	11			83	VŨ GIA	Vietnamese
10	PHẠM QUANG VINH	KNT	01-02	2	16			65	PVD LOGGING	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DANH	KNT	03	1	8			75	PVD LOGGING	Vietnamese
12	LÊ VĂN NAM	KNT	04-05	2	13			58	PVD LOGGING	Vietnamese
13	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	21	1	4			72	AMHGP	Russian
14	VALIEV ILДАР	SAVR	20	1	9			74	AMHGP	Russian
15	NGUYỄN HOÀNG NAM	SAVR	18-19	2	15			68	AMHGP	Vietnamese
16	NGÔ VĂN PHÚ	SAVR	17	1	10	1	13	65	AMHGP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	12	910	23	175	4	59	6		
2	SAVR	4	279	5	38	1	13	4		
TOTAL		16	1.189	28	213	5	72	10		
WEIGHT KG			1.189		213		72			

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRỊNH VINH LINH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:00
B.CARD: TRANG-3	TO: KNT	CREW: MMINH - TTRUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/3051	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH TẤN VINH	KNT	71-72	2	11	4	46	58	PVD LOGGING	Vietnamese
2	BÀNG VINH QUANG	KNT	66	1	8			82	PVD LOGGING	Vietnamese
3	LƯU VĂN TUẤN	KNT	74	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THAO	KNT						69	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT TRƯỜNG	KNT	64-65	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIÊN	KNT						71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUANG	KNT	60	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHƯỚC	KNT	61	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HOÀNG	KNT	79	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI MINH HẢI	KNT	73	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG HẢI HÀ	KNT	63	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	KNT	70	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN THÀNH	KNT	67-69	3	16			72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THÁI SƠN	KNT	77-78	2	20			82	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH TỬ	KNT	62	1	8			79	DVL	Vietnamese
16	MẠNH TRƯỜNG KHOA	KNT	75-76	2	9			82	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CÔNG	KNT	80	1	6			75	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỨC	KNT	81	1	7			50	GETRACO	Vietnamese
19	HO SY CUONG	KNT	82	1	8			87	PVDLOG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	19	1.395	23	142	4	46	12		
TOTAL		19	1.395	23	142	4	46	12		
WEIGHT KG			1.395		142		46			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

MÀU MẠNH MINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG



F: 1500 kg (Pilot)



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P8 - TD5	CREW: LINH - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/3043	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRỊNH NGỌC TỬ	P8	85	1	9			72	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM QUỐC KHÁNH	P8	86	1	20			88	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH CÔNG	P8						73	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ÁI	P8	84	1	4			51	PSV	Vietnamese
5	HOÀNG NGỌC HÒA	P8	83	1	8			64	PSV	Vietnamese
6	HÀ VĂN THUẬN	P8	15	1	4			56	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH VINH	P8						79	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	52	1	5	5	100	78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CƯƠNG	TD5	65-66	2	12			67	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ THẾ ANH	TD5	68-70	3	20			79	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	53	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
12	BÙI TÂN BÌNH	TD5	57-58	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	TD5	62-63	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ANH QUANG	TD5	71-72	2	20			82	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC QUÂN	TD5	73	1	11	2	32	83	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD5	54	1	5			66	PSV	Vietnamese
17	BÙI ĐỨC ANH	TD5	56	1	6			70	PSV	Vietnamese
18	HỒ VĂN ANH	TD5	59-60	2	7			74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD5	55	1	5			54	PSV	Vietnamese
20	LƯƠNG ANH HẢI	TD5	61	1	6			56	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	64	1	5			59	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD5	67	1	8			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	7	483	5	45	0	0	2		CHUYEN 1 PAX P8-TD5
2	TD5	15	1.071	22	144	7	132	10		
TOTAL		22	1.554	27	189	7	132	12		
WEIGHT KG			1.554		189		132			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 09/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: PBDA - P6 - BK19	CREW: DUONG - SON - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/3046	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	RUBTSOV DENIS	PBDA	67	1	9			49	AMHTP	Russian
2	DUBOGRAEV MIKHAIL	PBDA	74	1	13			83	AMHTP	Russian
3	PRADEDVICH MIKHAIL	PBDA	69	1	11			97	AMHTP	Russian
4	TELICHKO KONSTANTIN	PBDA	70	1	8			84	AMHTP	Russian
5	ANDREEV EVGENII	PBDA	66	1	8			90	AMHTP	Russian
6	VOLKOV ARTEMII	PBDA	62	1	15			88	AMHTP	Russian
7	ALEXEY SHTINNIKOV	PBDA	68	1	11			85	AMHTP	Russian
8	POLYAKOV ALEXANDR	PBDA	73	1	8			105	AMHTP	Russian
9	MIKHAIL BOGOMOLOV	PBDA	59	1	7			82	AMHTP	Russian
10	DAVID DUMBADZE	PBDA	71-72	2	16			74	AMHTP	Russian
11	DAIANOV BORIS	PBDA	64-65	2	10			79	AMHTP	Russian
12	SHISTEROV ILIA	PBDA	60-61	2	15			78	AMHTP	Russian
13	SAVELEV MIKHAIL	PBDA	63	1	16			99	AMHTP	Russian
14	ZHALEIKO NIKITA	PBDA	57	1	3			94	AMHTP	Russian
15	DOBRYNIN PAVEL	PBDA	58	1	6			110	AMHTP	Russian
16	NGUYỄN VĂN PHU	P6	08	1	5	1	7	82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P6	07	1	7			63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHÁNH	P6	06	1	6			88	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	P6	05	1	7			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	15	1.297	18	156	0	0	12		
2	P6	4	287	4	25	1	7	7		
3	BK19	0	0	0	0	1	11	1		
TOTAL		19	1.584	22	181	2	18	20		
WEIGHT KG			1.584		181		18			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SƠN

